TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1369/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Nhung
2. Bà Lê Thị Nhanh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Trường An - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 814/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Quang H1, sinh năm 1975, quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: 440/69 đường N, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Bị đơn: Bà Pham H2, sinh năm 1967, quốc tịch: Hoa Kỳ.

Địa chỉ: CA.90680, USA.

(Các đương sự đều có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện ngày 09/03/2017 và tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là Ông Trần Quang H1 trình bày:

Ông và Bà Pham H2 kết hôn vào năm 2003, giấy chứng nhận kết hôn số 1998, quyển số 10, ngày 25/06/2003, do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Sau khi kết hôn Bà Pham H2 làm thủ tục bảo lãnh cho ông đoàn tụ gia đình, trong khoảng thời gian xa cách tình cảm xa mặt cách lòng, ông cảm thấy hai bên không hiểu lẫn nhau, tính tình không hòa hợp như lúc yêu nhau nên giữa hai bên đã phát sinh mâu

thuẫn trầm trọng từ tháng 12/2009 cho đến nay, hồ sơ bảo lãnh đã chấm dứt từ lâu. Đã 14 năm trôi qua hai bên không còn tình cảm, nên ông yêu cầu được ly hôn với Bà Pham H2.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông H1 khai không có.

Bị đơn Bà Pham H2 trình bày:

Đơn xin xét xử ly hôn vắng mặt ngày 19/07/2017 đã hợp pháp hóa lãnh sự quán Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ ngày 09/08/2017; bà cho biết bà và Ông Trần Quang H1 kết hôn vào năm 2003, sau khi kết hôn bà trở về Hoa Kỳ, làm thủ tục bảo lãnh cho Ông H1 sang đoàn tụ gia đình, trong thời gian chờ bảo lãnh giữa hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn trầm trọng vào khoảng cuối năm 2009, hai bên ít liên lạc với nhau và việc bảo lãnh Ông H1 cũng chấm dứt. Nay Ông H1 có đơn yêu cầu ly hôn bà đồng ý.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà xác nhận không có.

Tại phiên tòa:

Ông Trần Quang H1 và Bà Pham H2 yêu cầu vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Vào ngày 09 tháng 03 năm 2017 ông Trần Quang H1 có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận cho đương sự được ly hôn với Bà Pham H2. Do Bà Pham H2 đang cư trú tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 3 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng:

Nguyên đơn Ông Trần Quang H1 có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa. Bà Pham H2 có đơn yêu cầu vắng mặt, đơn đã được hợp pháp hóa lãnh sự tại Đại sứ quán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Căn cứ vào Khoản 4 Điều 207; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điểm a Khoản 1 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về hôn nhân: Giữa Ông Trần Quang H1 và Bà Pham H2 có quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào các chứng cứ mà Tòa án thu thập được từ bản tự khai của Ông Trần Quang H1 và Bà Pham H2 hai bên thống nhất thoả thuận thuận tình ly hôn có cơ sở xác định rằng mục đích của hôn nhân giữa Ông H1 và Bà Pham H2 đã không đạt được. Do đó Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông H1.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự xác nhận không có nên Tòa án không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm Ông H1 là nguyên đơn yêu cầu ly hôn căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Ông H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 2 Điều 478 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

- Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ông Trần Quang H1 như sau:

1/ Về hôn nhân: Ông Trần Quang H1 và Bà Pham H2 thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa Ông Trần Quang H1 và Bà Pham H2 chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực thi hành. Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký số 1998, quyển số 10, ngày 25 tháng 06 năm 2003, do Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam cấp không còn giá trị.

2/ Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự khai không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Quang H1 phải nộp là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông Thận đã nộp theo biên lai số AA/2016/0034459, ngày 18/04/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H1 đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4/ Về quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm:

Đối với Ông Trần Quang H1 vắng mặt tại phiên tòa nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày Ông H1 nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bà Pham H2 vắng mặt, quyền kháng cáo bản án đối với Bà Pham H2 là 01 tháng kể từ ngày bà nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Mỹ Hạnh